

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 912...../GPMT-UBNDTây Ninh, ngày 20 tháng 5 năm 2024**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH Kaifuda Việt Nam tại Văn bản số 01/CV-MT ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số VBGT05-24/KAIFUDA ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy sản xuất thùng carton và pallet Kaifuda Việt Nam tại lô A9.9, đường N4, Khu công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2412../TTr-STNMT ngày 13 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Kaifuda Việt Nam địa chỉ tại lô A9.9, đường N4, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất thùng carton và pallet Kaifuda Việt Nam tại lô A9.9, đường N4, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất thùng carton và pallet Kaifuda Việt Nam .

1.2. Địa điểm hoạt động: lô A9.9, đường N4, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 5651191174 ngày 13/6/2019, chứng nhận điều chỉnh thay đổi lần thứ 3 ngày 19/3/2024 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách

nhệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 3901284433 ngày 23/7/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 8 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

1.4. Mã số thuế: 3901284433.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất tấm bản cực chì của bình ắc quy.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích đất thực hiện: 7.781,7 m²

- Quy mô, công suất: sản xuất tấm cách bản cực chì của bình ắc quy từ sợi thủy tinh 6.000 tấn/năm.

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải ra quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Kaifuda Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

2. Công ty TNHH Kaifuda Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Kaifuda Việt Nam hoặc tại trụ sở UBND phường An Hoà; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- UBND thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường An Hoà;
- Công ty TNHH Kaifuda Việt Nam;
- Đăng tải trang thông tin điện tử Sở TN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...~~472~~.../GPMT – UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Toàn bộ nước thải Dự án được thu gom, xử lý đạt yêu cầu đầu nối của Khu công nghiệp xả vào vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công để xử lý theo Hợp đồng đầu nối và xử lý nước thải đã ký giữa Công ty TNHH Kaifuda Việt Nam và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thành Thành Công tại Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 137/2019/HDTLD-TTCIZ ngày 30/7/2019.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên Việt Nam và chuyên gia Trung Quốc tại khu vực nhà xưởng sản xuất và văn phòng với lưu lượng lớn nhất là 2,84 m³/ngày được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (có 02 bể tự hoại, tổng thể tích xử lý 21,2 m³). Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của Trạm xử lý nước thải tập trung phân khu đa ngành thuộc Khu Công nghiệp Thành Thành Công bằng đường ống nhựa PVC kết hợp ống nhựa HPDE.

- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động nấu ăn tập trung tại khu vực nhà ăn với lưu lượng lớn nhất là 0,85 m³/ngày được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ (có 01 bể tách dầu mỡ, thể tích xử lý 3,0 m³). Nước thải nấu ăn sau xử lý sơ bộ đầu nối thoát vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Trạm xử lý nước thải tập trung phân khu đa ngành thuộc Khu Công nghiệp Thành Thành Công bằng đường ống nhựa PVC.

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống lọc nước RO (nước thải lọc rửa ngược và nước thải vệ sinh màng lọc RO) tại khu vực nhà xưởng sản xuất với lưu lượng lớn nhất 3 m³/ngày được thu gom về bể chứa nước thải sau lọc RO (gồm có 02 bể chứa nước thải, thể tích chứa của mỗi bể là 10 m³, kích thước bể: đường kính × chiều cao = 2,25 × 2,85 mét, kết cấu bằng vật liệu nhựa PE).

Phương án tái sử dụng: nước thải trong bể chứa theo đường ống cấp nước vệ sinh riêng biệt kết cấu bằng nhựa PVC, tổng chiều dài khoảng 151 mét dẫn về khu

vực nhà vệ sinh của nhà xưởng sản xuất để tái sử dụng cho mục đích cấp nước xả bồn cầu.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải nấu ăn của Dự án được thu gom và xử lý sơ bộ theo phương án nước thải sau xử lý đạt yêu cầu đầu nổi của Khu công nghiệp Thành Thành Công tại Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 137/2019/HDTLD – TTCIZ ngày 30/7/2019.

- Công trình thoát nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận:

+ Nước thải sinh hoạt, nước thải nấu ăn của Dự án sau xử lý sơ bộ tự chảy vào hố ga đầu nổi nước thải nằm trên đường N4 dẫn về hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của Trạm xử lý nước thải tập trung phân khu đa ngành thuộc Khu công nghiệp Thành Thành Công.

+ Tọa độ vị trí hố ga đầu nổi: $X = 1219\ 040.46$; $Y = 588\ 735.11$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

+ Lưu lượng đầu nổi lớn nhất: $3,69\ m^3/ngày.đêm$.

+ Điểm đầu nổi nước thải: hố ga đầu nổi nước thải (thiết kế điểm đầu nổi nước thải phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là $01\ m^2$ và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý, đầu nổi nước thải:

a) Đối với nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp.

- Vị trí, thể tích các bể tự hoại:

+ Tại nhà xưởng sản xuất và văn phòng: 01 bể tự hoại có thể tích thiết kế $17,2\ m^3$.

+ Tại nhà bảo vệ số 2: 01 bể tự hoại có thể tích thiết kế $4,0\ m^3$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

b) Đối với nước thải nấu ăn

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải nấu ăn → song chắn rác → bể tách dầu mỡ → đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp.

- Vị trí, thể tích bể tách dầu mỡ:

Tại khu nhà ăn bên trong nhà xưởng sản xuất: 01 bể tách dầu mỡ có thể tích thiết kế $3,0\ m^3$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.2.2. Công trình tái sử dụng nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình: nước thải từ hoạt động của hệ thống lọc nước RO → bể

chứa nước thải sau lọc RO → đường ống cấp nước tái sử dụng riêng biệt → khu vực nhà vệ sinh của nhà xưởng sản xuất → cấp nước xả bồn cầu → thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại → đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp.

- Vị trí, thể tích bể chứa nước thải sau lọc RO:

Tại khu vực phòng thiết bị trong nhà xưởng sản xuất: 02 bể chứa nước thải sau lọc RO, thể tích thiết kế của mỗi bể là 10 m³/bể, kết cấu bằng vật liệu nhựa PE.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đường ống cấp, thoát nước có khoảng cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất,

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bể tách dầu mỡ, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 31 tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công theo các văn bản thỏa thuận đầu nối nước thải đã ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, máy móc để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom tuần hoàn tái sử dụng nước thải sản xuất, không xả thải ra môi trường.

Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp, đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải của Dự án về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...*172*.../GPMT – UBND
ngày *20* tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: bụi phát sinh từ hoạt động của máy cắt tự động (cắt tấm cách bản cực chì);
- Nguồn số 02: bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu khí gas hóa lỏng LPG vận hành đầu đốt số 01 (đốt cấp nhiệt cho thiết bị hộp sấy) có công suất 255.000 kcal/giờ;
- Nguồn số 03: bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu khí gas hóa lỏng LPG vận hành đầu đốt số 02 (đốt cấp nhiệt cho thiết bị hộp sấy) có công suất 255.000 kcal/giờ;
- Nguồn số 04: bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu khí gas hóa lỏng LPG vận hành đầu đốt số 03 (đốt cấp nhiệt cho thiết bị hộp sấy) có công suất 255.000 kcal/giờ;
- Nguồn số 05: bụi khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, công suất 250 KVA (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: tại một (01) ống thoát khí thải sau một (01) hệ thống xử lý bụi của nguồn số 01. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1219 028.58, Y = 588 676.24.
- Dòng khí thải số 02: tại một (01) ống thoát khí thải chung của nguồn số 02, nguồn số 03 và nguồn số 04. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1219 002.10, Y = 588 661.24.
- Dòng khí thải số 03: tại một (01) ống thoát khí thải của máy phát điện dự phòng, công suất 250 KVA (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện) của nguồn số 05. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1218 960.88, Y = 588 635.99.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3⁰)

- Vị trí xả bụi, khí thải nằm trong khuôn viên của Dự án tại Lô A9.9, đường N4, Khu công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2.2 Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất 20.000 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất 4.590 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 03: lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất 1.670 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: khí thải sau khi qua hệ thống xử lý được xả ra môi trường thông qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số Kp = 0,9 và Kv = 1,0, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Dòng khí thải số 01					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	20.000 < P ≤ 100.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
Dòng khí thải số 02 và 03					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	20.000 < P ≤ 100.000	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại điểm c Khoản 1, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
3	NO _x	mg/Nm ³	765		
4	SO ₂	mg/Nm ³	450		
5	CO	mg/Nm ³	900		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: tại máy cắt tự động lắp đặt hệ thống xử lý khí thải theo phương án khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT hệ số Kp = 0,9 và Kv = 1
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô

cơ trước khi thoát ra một (01) ống thoát khí thải cao 15 mét (chiều cao tính từ mặt đất đến miệng ống thải là 15 mét).

- Nguồn số 02, nguồn số 03 và nguồn số 04: tại buồng sấy lắp đặt đường ống thu gom khí thải bên trong hộp sấy thoát ra một (01) ống thoát khí thải cao 15 mét (ống thoát khí thải kết cấu bằng vật liệu tôn tráng kẽm, kích thước dài x rộng = 500 x 500 mm, chiều cao tính từ mặt đất đến miệng ống thải là 17,5 mét).

- Nguồn số 05: lắp đặt một (01) ống thải cho máy phát điện dự phòng công suất 250 KVA (sử dụng nhiên liệu dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện), ống thải cao 3,0 mét (chiều cao tính từ mặt đất đến miệng ống thải là 5,0 mét).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Công trình xử lý khí bụi, khí thải: hệ thống xử lý bụi từ công đoạn cắt tấm cách bản cực.

- Công trình xử lý khí bụi, khí thải phát sinh từ máy cắt tự động (công đoạn cắt tấm cách bản cực chì):

Quy trình công nghệ: bụi → hệ thống đường ống thu gom → thiết bị xử lý bụi công nghiệp (bao gồm quạt hút và túi vải lọc bụi kết cấu bằng vật liệu vải polyester) → ống thoát khí thải.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì Công ty ngừng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh khí thải, bụi để sửa chữa, khắc phục đến khi sự cố được khắc phục và sửa chữa xong sẽ tiếp tục vận hành các thiết bị hoặc công đoạn sản xuất có phát sinh bụi, khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Từ ba (03) đến sáu (06) tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm Dự án.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Một (01) hệ thống xử lý bụi, khí thải từ máy cắt tự động (công đoạn cắt tấm cách bản cực chì).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

- Một (01) vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ máy cắt tự động (công đoạn cắt tấm cách bản cực chì).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số972.../GPMT – UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính:

- Nguồn số 01: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ công đoạn trộn nguyên liệu bông sợi thủy tinh;
- Nguồn số 02: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ công đoạn cắt tấm bản cực;
- Nguồn số 03: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của đầu đốt số 1;
- Nguồn số 04: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của đầu đốt số 2;
- Nguồn số 05: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của đầu đốt số 3;
- Nguồn số 06: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí số 01 (tương ứng nguồn số 01): $X = 1218\ 967.97$; $Y = 588\ 639.69$;
- Vị trí số 02 (tương ứng nguồn số 02): $X = 1219\ 028.58$; $Y = 588\ 676.24$
- Vị trí số 03 (tương ứng nguồn số 03): $X = 1219\ 002.10$; $Y = 588\ 661.24$;
- Vị trí số 04 (tương ứng nguồn số 04): $X = 1218\ 997.34$; $Y = 588\ 661.03$;
- Vị trí số 05 (tương ứng nguồn số 05): $X = 1218\ 988.03$; $Y = 588\ 652.64$;
- Vị trí số 06 (tương ứng nguồn số 06): $X = 1218\ 960.88$; $Y = 588\ 635.99$.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3^0).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 đến 21 giờ	Từ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:****1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.
- Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt,...
- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.
- Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...912.../GPMT – UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)
1.	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực).	08 02 04	Rắn	3
2.	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	Rắn	2
3.	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác.	17 02 04	Rắn	5
4.	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	18 01 01	Rắn	10
5.	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải.	18 01 02	Rắn	15
6.	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	18 01 03	Rắn	10
7.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	Rắn	10
8.	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	3
TỔNG CỘNG				58

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (Tấn/năm)
1.	Chất thải chứa vật liệu sợi thủy tinh (Bông sợi thủy tinh bỏ)	06 01 07	Rắn	11
2.	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH	07 03 13	Rắn	0,5

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (Tấn/năm)
3.	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	Rắn	52
4.	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là chất thải nguy hại) thải	18 01 06	Rắn	57
TỔNG CỘNG				120,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	8.160

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 4 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho được xây tường gạch, mái tôn; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 21 m².

- Thiết kế, cấu tạo: xây dựng kho chứa có kết cấu tường gạch bao quanh, mái tôn, sàn lát xi măng, bố trí gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.2.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng nhựa có nắp đậy dung tích chứa từ 30 – 120 lít.

2.3.2. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ vào chuyên, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng. Lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

- Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống thấm và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ cùng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheet) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

- Về kho chứa hóa chất: thiết kế kho chứa hóa chất đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa quy định tại mục 5 QCVN 05:2020/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...972.../GPMT – UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn trước khi đầu nối vào Nhà máy xử lý nước thải phân khu đa ngành của Khu công nghiệp Thành Thành Công. Nước thải sản xuất được thu gom, tái sử dụng hoàn toàn cho sản xuất đảm bảo không xả thải ra môi trường.

- Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1,0$; QCVN 20:2009/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: Công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Dự án. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định./.